

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 6 - 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực

Bà Phạm Kim Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị O. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Thanh D. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- **Người làm chứng:** Ông Bùi Thanh O1. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

- Nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

Nguyên ông Bùi Thanh D có thiếu bà O số tiền 50.000.000đồng, có làm biên nhận vào năm 2019, ông D tự viết và ký tên vào biên nhận. Ông D hứa trả dần từ năm 2019 đến năm 2025 là sẽ trả hết số tiền 50.000.000đồng.

Nhưng từ khi lập biên nhận đến nay ông D chỉ trả bà O được 1.500.000đồng. Từ đó về sau mỗi lần bà O gọi đòi tiền thì ông D nói không có tiền để từ từ, ông D cứ làm như vậy nhiều lần. Bà O lấy số lạ gọi cho ông D khi ông nghe tiếng bà O không trả lời mà tắt máy.

Việc ông D hứa hẹn nhưng không trả số tiền 48.500.000đồng và cố ý không trả cho bà O số tiền trên. Còn nói bà O viết ên làm gì làm ông D không biết.

Chính vì lý do trên, nay bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Thanh D trả lại cho bà O số tiền nợ còn lại 48.500.000đồng.

- Bị đơn Bùi Thanh D trình bày:

Vào năm 2019 ông D có viết giấy xác nhận thiếu tiền (lúc này bà O và bà Lê Thị O còn là vợ chồng), chữ viết trong biên nhận là của ông D. Theo nội dung biên nhận thì ông D còn nợ bà Lê Thị O số tiền 50.000.000 đồng, ông D có trách nhiệm trả dần đến năm 2025 sẽ trả hết số nợ. Tại lúc viết tờ xác nhận này ông D có nợ bà O 50.000.000 đồng.

Nhưng hiện tại ông D không còn nợ số tiền này. Số tiền này cha của ông D tên Bùi Thanh O1, sinh năm 1957, địa chỉ: ấp C, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã trả cho ông Ba L để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D yêu cầu Toà án triệu tập ông Bùi Thanh O1 tham dự phiên toà để làm người làm chứng. Ông D không đồng ý trả số nợ này cho bà O vì không còn nợ bà O.

Tại phiên toà,

Bà Lê Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân, bà O có trả thay nợ thay cho ông D số tiền 50.000.000 đồng nên ông D có viết giấy nợ là có nợ bà O số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, ông D đã trả được 1.500.000 đồng, còn nợ lại 48.500.000 đồng. Bà O yêu cầu ông D trả lại cho bà O 48.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Bùi Thanh D vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu.

Người làm chứng ông Bùi Thanh O1 trình bày: Ông đã trả nợ thay cho ông D và bà O 100.000.000 đồng nên ông D không còn nợ gì bà Lê Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về đòi lại tài sản. Tranh chấp này thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Theo tờ xác nhận thiếu tiền 2019, thì ông D có nợ bà O số tiền 50.000.000 đồng, ông D cũng thừa nhận tờ xác nhận nợ này là do ông D tự viết. Cho nên có đủ cơ sở xác định ông D có viết giấy nợ bà O 50.000.000 đồng là sự thật.

Ông D cho rằng hiện tại đã không còn nợ bà O, cha của ông D là ông Bùi Thanh O1 đã trả nợ thay cho ông D. Người làm chứng ông Bùi Thanh O1 là cha ruột của ông D cho rằng: vào năm 2019, ông D và bà O có nợ ông Trương Văn L1 số tiền 100.000.000 đồng nên ông O1 có trả nợ thay cho ông D và bà O số tiền 100.000.000 đồng, trả cho ông Trương Văn L1. Tại phiên tòa bà O không thừa nhận có nhận của ông O1 50.000.000 đồng để trả nợ thay cho ông D (số tiền ông D nợ bà O). Còn đối với việc ông O1 trả nợ cho ông Trương Văn L1 và một giao dịch khác không liên quan đến khoản nợ ông D nợ riêng bà O.

Xét thấy, việc ông D và bà O có nợ ông Trương Văn L1 hay không là một quan hệ pháp luật khác và không liên quan đến việc bà O cho ông D mượn 50.000.000 đồng để trả nợ. Ông D cho rằng không còn nợ bà O nhưng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh. Cho nên có đủ cơ sở để xác định ông D còn nợ bà O số tiền 48.500.000 đồng.

[4] Từ những phân tích đánh giá như nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Bùi Thanh D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 48.500.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O.

2. Buộc bị đơn ông Bùi Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị O số tiền còn nợ là 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Bùi Thanh D phải có nghĩa vụ nộp là 2.425.000 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vĩ Thanh;
- Chi cục THADS TP Vĩ Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Trinh